

**CÔNG TY CP BẮC HIỆP**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP BẮC HIỆP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400738927

**3. Ngày đăng ký thành lập:** 03/07/2014

**4. Địa chỉ trụ sở chính:** Thôn Chủng, Xã Đông Lỗ, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0914 475 417

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành                                                     |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4730                                                         |
| 2.  | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1621                                                         |
| 3.  | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2395                                                         |
| 4.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Kinh doanh xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Kinh doanh kính trong xây dựng, sơn, véc ni; Kinh doanh đồ ngũ kim; Kinh doanh tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Kinh doanh vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663                                                         |
| 5.  | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2392(Chính)                                                  |
| 6.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4311                                                         |
| 7.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4312                                                         |
| 8.  | Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản                                                                                                                                                                                                                                                      | 46204                                                        |
| 9.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1622                                                         |
| 10. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4220                                                         |
| 11. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4330                                                         |
| 12. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                              | 4752                                                         |
| 13. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Kinh doanh sắt, thép xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                    | 4662                                                         |
| 14. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4210                                                         |
| 15. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4290                                                         |
| 16. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4932                                                         |
| 17. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                                                                                                                          | 1629                                                         |
| 18. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1623                                                         |
| 19. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất gạch không nung                                                                                                                                                                                                                                                        | 3290                                                         |
| 20. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4661                                                         |
| 21. | Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Mua bán nguyên liệu phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng                                                                                                                                                                                                     | 46699                                                        |
| 22. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4100                                                         |
| 23. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4933                                                         |
| 24. | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1610                                                         |
| 25. | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1080                                                         |
| 26. |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

Tổng số cổ phần: 0

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Vốn pháp định: 0 VNĐ

9. Danh sách cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (chứng thực cá nhân) đối với cá nhân; MSD N đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐÀO THANH NGHĨA | Thôn Vĩnh Thượng, Xã Khai Thái, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam          | Cổ phần phổ thông | 120.000    | 1.200.000.000         | 24        | 111294865                                                                                                              |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số           | 120.000    | 1.200.000.000         | 24        |                                                                                                                        |         |
| 2   | ĐINH VĂN KHOA   | Thôn Sảo Hạ, Xã Quang Lãng, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam              | Cổ phần phổ thông | 105.000    | 1.050.000.000         | 21        | 110446617                                                                                                              |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số           | 105.000    | 1.050.000.000         | 21        |                                                                                                                        |         |
| 3   | ĐÀO CÔNG THÀNH  | Thôn Vĩnh Thượng, Xã Khai Thái, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam          | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 20        | 111240230                                                                                                              |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 20        |                                                                                                                        |         |
| 4   | LÊ VĂN ĐẠI      | Thôn Vĩnh Hạ, Xã Khai Thái, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam              | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 20        | 111459921                                                                                                              |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 20        |                                                                                                                        |         |
| 5   | PHÙNG THỊ YÊN   | Thôn Ngọc Đại, Xã Đại Mỗ, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                  | Cổ phần phổ thông | 75.000     | 750.000.000           | 15        | 013022618                                                                                                              |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số           | 75.000     | 750.000.000           | 15        |                                                                                                                        |         |

10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: ĐÀO THANH NGHĨA

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Ngày sinh: *19/08/1962*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Giấy chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *111294865*

Ngày cấp: *17/06/2009*

Nơi cấp: *Công an Thành Phố Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Vĩnh Thượng, Xã Khai Thái, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Vĩnh Thượng, Xã Khai Thái, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang